

VĂN HÓA VỚI PHÁT TRIỂN: QUAN ĐIỂM, LÝ THUYẾT VÀ NGHIÊN CỨU Ở CÁC TỘC NGƯỜI CỦA VIỆT NAM¹

PGS.TS. Vương Xuân Tình

TS. Trần Minh Hằng

Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Trong mấy thập kỷ qua, văn hóa được các tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia trên thế giới đề cao bởi văn hóa gắn với phát triển, là một trong bốn trụ cột của phát triển bền vững. Theo đó, các tổ chức quốc tế và quốc gia đã thể chế hóa vai trò của văn hóa qua chính sách, định chế để văn hóa thấm sâu vào quá trình phát triển. Đồng thuận với quan điểm và định hướng này, Việt Nam cũng rất coi trọng vai trò của văn hóa, thể hiện qua chính sách văn hóa và trong chiến lược phát triển bền vững quốc gia. Nhằm phát huy vai trò của văn hóa ở Việt Nam, nhiều công trình nghiên cứu đã tìm hiểu quan hệ của văn hóa tộc người, văn hóa quốc gia với phát triển tộc người, nhất là về kinh tế, quản lý xã hội và nguồn tài nguyên. Tuy nhiên, để nâng cao vai trò của văn hóa, cần có các nghiên cứu chất lượng, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của các loại hình văn hóa nêu trên.

Từ khóa: Văn hóa, phát triển, quan điểm, lý thuyết, nghiên cứu, Việt Nam.

Ngày nhận bài: 4/10/2019; ngày gửi phản biện: 7/10/2019; ngày duyệt đăng: 4/12/2019

Mở đầu

Văn hóa có vai trò quan trọng trong đời sống con người, đặc biệt là khoảng mấy thập kỷ qua, vai trò của văn hóa càng được đề cao khi gắn với phát triển. Đến nay, trong các chương trình phát triển bền vững của Liên hiệp quốc và của các quốc gia, văn hóa cùng với môi trường, kinh tế, xã hội được xác định là bốn trụ cột. Các tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia đều xây dựng những nguyên tắc cho phát triển, trong đó văn hóa phải thấm sâu vào quá trình phát triển, hay nói cách khác, phải đảm bảo sự phát triển có văn hóa. Từ đó, những nguyên tắc này ảnh hưởng đến các quốc gia, là điều kiện cho việc xây dựng, triển khai các chương trình, dự án và để nhận tài trợ hoặc cho vay.

Trong bối cảnh quốc tế nêu trên, Việt Nam cũng ngày càng chú trọng đến vai trò của văn hóa với phát triển. Từ việc nhìn nhận văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển, Việt Nam đã đồng thuận với quan điểm về văn hóa của UNESCO và của nhiều tổ chức

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Nhà nước: “Đánh giá hiệu quả, tác động của chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 1990 đến nay”, mã số: CTDT.40.18/16-20, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Minh Hằng làm Chủ nhiệm.

quốc tế, quốc gia tiên bộ khác. Trên cơ sở đó, nhiều giá trị văn hóa được bảo tồn và phát huy khi gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc xác định và phát huy giá trị của văn hóa, giữ gìn những giá trị đó trong quá trình phát triển luôn đối diện với khó khăn, thách thức, bởi điều đó còn phụ thuộc vào việc tôn trọng thực sự các nguyên tắc của văn hóa với phát triển, vào năng lực phát hiện những giá trị văn hóa và đảm bảo chuẩn mực khi thực thi.

Để góp phần phát huy vai trò của văn hóa với phát triển ở Việt Nam, bài viết này tập trung tổng quan một số quan điểm, lý thuyết về văn hóa với phát triển của nước ngoài và trong nước, đồng thời tìm hiểu các nghiên cứu về vai trò của văn hóa với phát triển ở nước ta, và rút ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.

1. Khái niệm về văn hóa

Đến nay, trên thế giới có hàng trăm định nghĩa về văn hóa được tiếp cận dưới nhiều góc độ (Nguyễn Văn Minh chủ biên, 2018, tr. 276-277). Tổng quan các khái niệm về văn hóa, Spencer-Oatey (2012) cho rằng, định nghĩa đầu tiên được biết đến là của Matthew Arnolds trong tác phẩm *Văn hóa và sự hỗn loạn* (Culture and Anarchy) xuất bản năm 1867, khi tác giả đề xuất văn hóa là trí tuệ, sự nỗ lực hay các sản phẩm. Nội hàm này tương đồng với loại hình văn hóa cao (High culture) hiện nay, song đối lập với văn hóa đại chúng (Popular culture). Ý nghĩa của khái niệm văn hóa do Arnolds đề xuất gần với lĩnh vực mỹ học hơn là khoa học xã hội. Tiếp tục khảo cứu tác phẩm của nhiều tác giả như Edward Tylor, Kroeber và Kluckhohn, Matsumoto, Spencer-Oatey đã đề xuất định nghĩa về văn hóa: Đó là tập hợp các giá trị, sự định hướng cho cuộc sống, niềm tin, chính sách, sản xuất và ứng xử, được chia sẻ bởi một cộng đồng người, ảnh hưởng đến ứng xử của mỗi thành viên và diễn giải của họ về ý nghĩa ứng xử của cộng đồng khác.

Vẫn qua tổng quan, Spencer-Oatey rút ra các đặc điểm của văn hóa, đó là: (1) Được biểu lộ trên nhiều phương diện khác nhau; (2) Ảnh hưởng đến ứng xử và sự diễn giải của ứng xử; (3) Tạo nên sự khác biệt của nhân loại và của mỗi con người; (4) Ảnh hưởng đến quá trình sinh học; (5) Đồng hành với các nhóm xã hội; (6) Là cấu trúc cá nhân và cấu trúc xã hội; (7) Mang tính xã hội và tâm lý của nhóm, và luôn biểu hiện đa tầng; (8) Có cả yếu tố mang tính thống nhất và sự khác biệt; (9) Là sự học hỏi; (10) Có sự biến đổi dần; (11) Tất cả là sự khác biệt, với mức độ và tương tác khác nhau; (12) Là khái niệm để diễn tả chứ không phải để đánh giá. Bên cạnh đó, tác giả cũng rút ra một số khái niệm còn thiếu thỏa đáng về văn hóa, bao gồm: (1) Văn hóa là đồng nhất; (2) Văn hóa là vật dụng; (3) Văn hóa là sự đồng dạng trong các thành viên của nhóm; (4) Sở hữu cá nhân nhưng văn hóa đơn độc; (5) Văn hóa là tập quán; (6) Văn hóa là vô cùng. Văn hóa còn liên quan chặt chẽ với những khái niệm khác, như văn hóa và dân tộc (Nation); văn hóa và chủng tộc; văn hóa và tộc người; văn hóa, tiểu văn hóa và dòng văn hóa. Spencer-Oatey cũng lưu ý, văn hóa không phải là bản sắc. Bản sắc trả lời câu hỏi: “Nơi nào tôi thuộc về” (Where do I Belong), và người ta chiến đấu với nhau là vì bản sắc khác biệt.

Trong bối cảnh có sự đa dạng định nghĩa về văn hóa, nhiều công trình nghiên cứu thường sử dụng định nghĩa của UNESCO làm chuẩn mực, đó là: Văn hóa “... như một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội, và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin” (dẫn theo Vương Xuân Tình chủ biên, 2014, tr. 37).

Bên cạnh khái niệm về văn hóa chung đã nêu, còn có những khái niệm liên quan đến loại hình văn hóa, và ở đây, chúng tôi chỉ tập trung vào văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia - hai loại hình văn hóa sẽ được sử dụng để phân tích trong mục 3. Với văn hóa tộc người, trước hết cần hiểu khái niệm về tộc người. Đến nay, có nhiều định nghĩa liên quan, song trong bối cảnh của Việt Nam, tộc người được xác định là nhóm cư dân có ngôn ngữ chung, đặc điểm văn hóa chung và ý thức tự giác tộc thuộc. Như vậy, văn hóa tộc người là văn hóa của nhóm cư dân nói trên.

Với văn hóa quốc gia, từ tiếp cận chức năng, theo Vương Xuân Tình, bao gồm những yếu tố văn hóa chung, phổ quát cho tất cả các tộc người hay nhóm xã hội sống ở quốc gia đó. Trong một quốc gia đa tộc người, cốt lõi của văn hóa quốc gia thường có mối quan hệ với văn hoá chính trị (Political culture) và tính chính trị của văn hóa. Văn hóa chính trị là sự định hướng truyền thống của công dân ở một quốc gia đối với chính trị, ảnh hưởng đến nhận thức của họ về tính hợp pháp chính trị, qua đó tạo nên sự đồng thuận giữa các công dân. Nói rõ hơn, văn hóa chính trị là sự tương đồng về triết lý, quan điểm chính trị của một quốc gia hay nhóm người. Còn tính chính trị của văn hóa là định hướng của chính sách để tạo nên sự thống nhất văn hóa. Từ tiếp cận chức năng nêu trên, các thành tố của văn hoá quốc gia trước hết phải dựa trên cơ sở hệ giá trị chung, có tính thống nhất toàn quốc. Những thành tố và giá trị ấy không tự nhiên có được mà phải xây dựng trong quá trình phát triển đất nước. Với Việt Nam, loại hình văn hoá này đặc biệt rõ nét từ năm 1945 đến nay (Vương Xuân Tình chủ biên, 2014, tr. 38-42).

2. Quan điểm, lý thuyết về văn hóa với phát triển trên thế giới và ở Việt Nam

Như đã trình bày, văn hóa có vai trò rất quan trọng đối với phát triển nên trong mấy thập kỷ qua, các tổ chức quốc tế đã đưa ra những chính sách và hành động liên quan. Có thể điểm lại một số mốc đáng lưu ý như sau:

- Năm 1992: Liên hiệp quốc (UN) cùng Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) đã thành lập “Ủy ban văn hoá và phát triển thế giới”; xây dựng báo cáo đa dạng văn hóa với việc thừa nhận sự khác biệt của con người trong quá trình phát triển; trên website của UNESCO có chuyên mục thường kỳ “Văn hóa và phát triển” (Culture and Development)².

² UNESCO, *Culture and Development*, in <http://www.unesco.org/new/en/culture/themes/culture-and-development/> (Truy cập ngày 25/4/2019).

- Từ năm 1988 - 1998: UNESCO xây dựng “Thập kỷ văn hóa”, ủng hộ việc đưa văn hóa vào chính sách phát triển của quốc gia và quốc tế; xây dựng tiêu chuẩn quốc tế về các chỉ số, phân tích, thống kê văn hóa, vẽ bản đồ nguồn lực văn hóa, nâng cao công nghiệp văn hóa (Cultural industry). UNESCO khẳng định vai trò to lớn của văn hóa: (1) Văn hóa là cơ sở để phát triển kinh tế; (2) Văn hóa là cơ sở để cố kết và ổn định xã hội; và (3) Văn hóa là cơ sở cho bền vững môi trường.

- Năm 1999: UNESCO và Ngân hàng thế giới (WB) tổ chức Hội nghị liên chính phủ về “Giá trị văn hóa: Nguồn lực tài chính và tính kinh tế của văn hóa trong phát triển bền vững” tại Florence (Italia). Hội nghị đã thống nhất cho rằng, vốn văn hóa thúc đẩy phát triển bền vững và phát triển kinh tế.

- Năm 2001: Tuyên bố của UNESCO về đa dạng văn hóa; coi đa dạng văn hóa mang tính đạo đức và nguyên tắc để thúc đẩy kinh tế, phát triển xã hội.

- Năm 2002: UN quyết định lấy ngày 21 tháng 5 là “Ngày thế giới cho đa dạng văn hóa, đối thoại và phát triển”.

- Năm 2005: Ủy ban Bảo vệ và Phát triển đa dạng văn hóa của UNESCO đề xuất sự phát triển bền vững văn hóa và đặt văn hóa với phát triển như vấn đề cốt lõi.

- Năm 2007 - 2018: UNESCO tổ chức 12 Hội nghị Ủy ban liên chính phủ về việc bảo tồn và thúc đẩy sự đa dạng văn hóa³.

Trở lại với năm 1999, ngoài việc phối hợp cùng UNESCO tổ chức Hội nghị liên chính phủ về “Giá trị văn hóa: Nguồn lực tài chính và tính kinh tế của văn hóa trong phát triển bền vững” tại Florence (Italia), Ngân hàng thế giới (WB) đã xây dựng Khung hành động cho văn hóa với phát triển bền vững, hay nói cách khác, đây là chính sách văn hóa đối với phát triển của WB. Trong khung hành động này, WB xác định văn hóa là một hợp phần của phát triển; và để tích hợp văn hóa trong điều hành của WB, cần đảm bảo văn hóa thấm sâu vào các chương trình, dự án mà trước hết là phải dựa vào cộng đồng, bảo tồn các giá trị về tài nguyên; đồng thời trong xây dựng đối tác cho các chương trình, dự án cần quan tâm đến tính văn hóa của mạng lưới phát triển (World Bank, 1999, tr. 13-27).

Để thấy được mối quan hệ của văn hóa với phát triển, còn phải đề cập đến Tuyên ngôn của Liên minh quốc tế về văn hóa, nghệ thuật và một số tổ chức khác (IFACCA and others, 2015): “Văn hóa như là mục tiêu: Hậu Chương trình nghị sự phát triển 2015”. Tuyên ngôn này chỉ rõ: “Chúng ta, mạng lưới của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ và tác nhân văn hóa toàn cầu cam kết theo đuổi sự phát triển văn hóa bền vững ở mức toàn cầu, quốc gia và địa phương, và hướng đến hậu Chương trình nghị sự phát triển 2015. Chúng ta tin tưởng sâu

³ Xem trên các trang: <https://www.un.org/en/events/culturaldiversityday/>; <http://www.unesco.org/new/en/culture/themes/culture-and-development/#topPage>; và <https://en.unesco.org/creativity/governance/statutory-meetings/intergovernmental-committee/12th> (Truy cập ngày 25/4/2019).

sắc rằng, văn hóa có thể giúp cho cuộc chiến chống đói nghèo và nâng cao sức mạnh của cộng đồng”.

Hàng thập kỷ qua, cộng đồng quốc tế đã tập hợp được các minh chứng chắc chắn về vai trò của văn hóa trong phát triển. Từ đó dẫn đến kết luận: “Các dự án và chính sách phát triển nếu không chú trọng chiều kích văn hóa sẽ thất bại. Văn hóa có ảnh hưởng đến chiến lược, chính sách và chương trình với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bền vững môi trường, thân thiện, hòa bình và an ninh. Văn hóa bao gồm cả định hướng và đảm bảo cho phát triển bền vững”.

Tài liệu này còn gợi ý luận đề phản ánh mục tiêu về văn hóa, đó là: “Đảm bảo sự bền vững văn hóa cho cuộc sống của chúng ta”, trong đó xác định: (1) Văn hóa là nguồn gốc của kinh tế; (2) Văn hóa kết nối với chiều kích xã hội; (3) Văn hóa gắn chặt với vấn đề môi trường. Tài liệu cũng đề xuất 10 chỉ số của “Đảm bảo sự bền vững văn hóa cho cuộc sống của chúng ta”, và xác định: “Bây giờ là thời gian cho văn hóa thuộc về trung tâm của những đổi thay tích cực”.

Từ tác động của UNESCO, nhiều quốc gia có vai trò trên thế giới cũng sớm xây dựng chính sách văn hóa với phát triển trong chính sách đối ngoại. Chẳng hạn, vào năm 2006, Tổ chức hợp tác và phát triển của chính phủ Thụy Điển (SIDA) đã xây dựng chính sách về văn hóa và truyền thông. Mục tiêu của chính sách này hướng đến: (1) Tự do văn hóa và đa dạng văn hóa; (2) Tự do biểu đạt; (3) Tiếp cận thông tin và tư tưởng; (4) Hòa giải xung đột và đề cao khoan dung; (5) Sản phẩm cho địa phương, phát triển kinh tế và việc làm. Những mục tiêu này đã ảnh hưởng đến việc đầu tư, tài trợ của chính phủ Thụy Điển đối với nước khác, trong đó có Việt Nam (SIDA, 2006).

Bên cạnh quan điểm của các tổ chức quốc tế có vai trò lớn nêu trên, còn có những luận điểm hay lý thuyết của các nhà khoa học và tổ chức khác về văn hóa với phát triển. Katriina và Joost Dessein (2016) đã đề xuất khung tiếp cận xem xét mối quan hệ giữa văn hóa và sự bền vững, gồm ba biểu hiện của văn hóa trong phát triển bền vững như sau:

Bảng 1: Khung tiếp cận xem xét mối quan hệ giữa văn hoá và sự bền vững

	<i>Văn hóa trong bền vững (Culture in Sustainability)</i>	<i>Văn hóa cho bền vững (Culture for Sustainability)</i>	<i>Văn hóa như sự bền vững (Culture as Sustainability)</i>
<i>Định nghĩa văn hóa</i>	Văn hóa như vốn	Văn hóa như lối sống	Văn hóa như chỉ dấu bao trùm (Semiosis)
<i>Văn hóa và phát triển</i>	Văn hóa như thành tựu trong phát triển	Văn hóa như nguồn lực và điều kiện cho phát triển	Phát triển như một quá trình văn hóa
<i>Giá trị của văn hóa</i>	Mang tính bản chất	Phương tiện và bản chất	Hàm chứa

<i>Văn hóa và xã hội</i>	Bổ khuyết	Dung dưỡng	Biến đổi
<i>Văn hóa và tự nhiên</i>	Viễn cảnh nhân văn về tự nhiên	Tương tác của văn hóa và tự nhiên	Cấu tạo tự nhiên của văn hóa
<i>Khía cạnh chính sách</i>	Các chính sách văn hóa	Tất cả chính sách	Chính sách mới
<i>Cách thức quản trị</i>	Quản trị thứ bậc - thứ nhất	Đồng quản trị - thứ hai	Tự quản trị, giải quản trị - thứ ba
<i>Tiếp cận nghiên cứu</i>	Đơn ngành và đa ngành	Đa ngành và liên ngành	Liên ngành và xuyên ngành

Nguồn: Katriina và Joost Dessein (2016, tr. 4)

Mối quan hệ của văn hóa với phát triển còn được quan tâm từ nhiều chiều cạnh. Throsby (2001) đã nhấn mạnh khía cạnh kinh tế của di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa. Tổ chức OECD (2018) chú trọng văn hóa và phát triển địa phương, với đề xuất làm thế nào để chính quyền địa phương thúc đẩy văn hóa, cung cấp tài chính cho văn hóa. Duxbury và cộng sự (2016) chỉ rõ, văn hóa như là trung tâm của phát triển đô thị bền vững. Baden và Marjorie Mayo (1999) chú trọng về văn hóa, phát triển cộng đồng và tính đại diện. Tổ chức OECD (2009) quan tâm tác động của văn hóa đến du lịch, qua lưu ý về vai trò, ảnh hưởng của văn hóa và du lịch hấp dẫn, về chính sách và chương trình đối với văn hóa du lịch.

Ở Việt Nam trong mấy thập kỷ qua, vai trò của văn hóa với phát triển được đề cao, kể từ nhận thức đến xây dựng các chương trình hành động. Kế thừa quan điểm của Nghị quyết Trung ương 5, Khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 9, Khóa XI của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Đồng thuận với quan điểm của UNESCO, Việt Nam cũng xác định văn hóa là trụ cột thứ 4⁴ của phát triển bền vững (Phạm Xuân Nam, 2007). Điều đó thể hiện rõ trong “Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020”, bởi chiến lược này đã xác định văn hóa là một trụ cột. Trong các định hướng ưu tiên phát triển bền vững của giai đoạn này, đã dành cho những ưu tiên về văn hóa, đó là: “Phát triển văn hóa hài hòa với phát triển kinh tế, xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh. Xây dựng nhân cách con người Việt Nam, đặc biệt trong thế hệ trẻ về đạo đức, lối sống, trí tuệ, thể chất, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội và ý thức chấp hành pháp luật. Ngăn chặn có hiệu quả một số tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm”⁵.

⁴ Nhiều ý kiến cho rằng, phát triển bền vững ở Việt Nam có 4 trụ cột: môi trường, kinh tế, xã hội và văn hóa; song cũng có ý kiến đề xuất phải thêm trụ cột thứ 5 là quốc phòng, an ninh.

⁵ Xem: *Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, <http://va21.gov.vn/vanban/chienluoc.html>, truy cập ngày 15/8/2019.

3. Nghiên cứu văn hóa với phát triển ở các tộc người của Việt Nam

Nhiều năm qua ở Việt Nam, giới khoa học đã quan tâm đến nghiên cứu vai trò của văn hóa với phát triển. Trong mục này, chúng tôi chỉ tập trung vào việc nghiên cứu loại hình văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia với phát triển, bởi hai loại hình đó có vai trò to lớn ở một quốc gia đa tộc người. Các nghiên cứu liên quan rất phong phú, đặc biệt trong những công trình của dân tộc học và văn hóa học. Có thể nêu một số lĩnh vực nghiên cứu chính như sau:

Một là, văn hóa tộc người và sinh kế. Ở lĩnh vực này, có thể thấy trong rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp hay gián tiếp. Với người Việt, đáng lưu ý là bộ sách 6 tập của Viện Nghiên cứu Văn hóa về nghề truyền thống. Công trình chủ yếu dựa trên nghiên cứu tài liệu, kế thừa và hệ thống hóa các ấn phẩm tìm hiểu về ngành nghề ở người Việt của nhiều tác giả dưới góc độ sử học, văn hóa dân gian, dân tộc học. Ngoài Tập 1 với nhiệm vụ tổng quan về làng nghề truyền thống, từ Tập 2 đến Tập 6 của bộ sách tuần tự đề cập 5 loại làng nghề và nhóm làng nghề sau đây: (1) Nghề chế tác kim loại; (2) Nghề mộc, chạm; (3) Nghề gốm; (4) Nghề đan lát, thêu, dệt, làm giấy, đồ mã và làm tranh dân gian; (5) Nghề chế tác đá, nghề sơn và một số nghề khác (Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2011). Nguyễn Phương Thảo (2018) còn có nghiên cứu về người Việt ở miền núi từ góc nhìn thích ứng văn hóa, trong đó có ảnh hưởng của văn hóa truyền thống, tiếp thu văn hóa mới đến sinh kế tại một địa phương miền núi của tỉnh Hà Giang. Ở các tộc người thiểu số, ảnh hưởng của văn hóa đến sinh kế cũng được nhìn nhận từ nhiều lĩnh vực, như văn hóa với trồng trọt (Bùi Minh Đạo, 2000); văn hóa với du lịch (Vương Xuân Tình, 2018a, tr. 45-51; Nguyễn Thị Tám, 2019, tr. 55-72); văn hóa với sự đa dạng sinh kế (Trần Bình, 2001; Trần Hồng Hạnh, 2018; Vương Xuân Tình, 2018b, tr. 80-89); văn hóa với đảm bảo an ninh lương thực (Vương Xuân Tình - Trần Hồng Hạnh, 2009, tr. 123-129).

Hai là, văn hóa tộc người với quản lý xã hội. Trong quản lý xã hội ở cấp cộng đồng (làng, khu dân cư), văn hóa tộc người, đặc biệt là luật tục có vai trò rất quan trọng. Luật tục có thể tồn tại dưới dạng thành văn hay không thành văn và với tên gọi khác nhau, tùy theo tộc người hoặc vùng cư trú. Ở người Việt, đó là hương ước. Tác giả Bùi Xuân Đính (1998) đã có công trình chuyên sâu về lĩnh vực này khi tìm hiểu hương ước với quản lý làng xã. Với các tộc người thiểu số, vai trò của luật tục càng quan trọng. Trong nhiều thập kỷ nghiên cứu vùng Tây Nguyên, Lưu Hùng (1994; 2014) đã dành công sức tìm hiểu về tổ chức xã hội của các tộc người tại chỗ, trong đó có luật tục. Việc nghiên cứu về luật tục ở Việt Nam được đẩy lên một bước mới khi vào cuối những năm 1990 và đầu năm 2000, Viện Nghiên cứu văn hóa xây dựng chương trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này. Năm 1999, Viện đã tổ chức một hội thảo quốc tế tại tỉnh Đắk Lắk và Kỷ yếu Hội thảo do Ngô Đức Thịnh - Phan Đăng Nhật đồng chủ biên đã được xuất bản năm 2000, tập hợp nhiều nghiên cứu về luật tục trong và ngoài nước, với nhiều bài liên quan đến luật tục và quản lý xã hội. Xem xét vai trò của văn hóa với quản lý xã hội ở các tộc người còn được thấy qua các công trình nghiên cứu về

biến đổi tôn giáo, đặc biệt là sự chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành và những tôn giáo mới ở các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Các nghiên cứu của Nguyễn Văn Thắng (2009), Nguyễn Văn Minh (2017), Trần Thị Hồng Yến (2018) cho thấy tình trạng bất ổn, xung đột trong quá trình chuyển đổi tôn giáo ảnh hưởng đến quản lý xã hội không chỉ ở cấp cộng đồng, mà còn ở địa phương và khu vực.

Ba là, văn hóa tộc người với quản lý tài nguyên. Khi xem xét vấn đề này, đã xuất hiện nhiều nghiên cứu liên ngành: không chỉ các nhà khoa học xã hội (dân tộc học, văn hóa học, xã hội học) mà các nhà khoa học tự nhiên (nông nghiệp, lâm nghiệp, môi trường, sinh học) cũng quan tâm; và ngoài chú trọng về luật tục, các tác giả cũng lưu ý vai trò của tri thức địa phương. Vương Xuân Tình (2000; 2018b), bên cạnh tìm hiểu luật tục với quản lý rừng và tài nguyên của các dân tộc Tày, Nùng ở cấp cộng đồng đã xem xét cả vai trò của luật tục, tri thức địa phương liên quan đến quản lý các khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam hiện nay. Phổ biến hơn là xu hướng nghiên cứu tri thức địa phương, trong đó có tri thức quản lý nguồn tài nguyên (đất đai, rừng, nguồn nước), và các nghiên cứu đó phản ánh qua nhiều công trình, như của Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên, 2016), Ngô Văn Lê - Huỳnh Ngọc Thu (Đồng chủ biên, 2017). Có thể nói trong mấy thập kỷ qua, đã bùng nổ nghiên cứu về tri thức địa phương (tri thức bản địa, tri thức dân gian). Liên quan đến quản lý tài nguyên, các tác giả thường chú trọng phương thức quản lý cộng đồng - phương thức đến nay vẫn phát huy giá trị, bởi trong một số bối cảnh, như với rừng thiêng hay nguồn nước, khó có thể thay thế bằng phương thức quản lý khác. Trong nghiên cứu liên ngành về tri thức địa phương với sử dụng, quản lý tài nguyên, đáng lưu ý là công trình của Trần Đức Viên và cộng sự (2008). Ở ấn phẩm này, các tác giả tìm hiểu vấn đề canh tác nương rẫy ở bản Tát, tỉnh Hòa Bình dưới góc nhìn đa chiều để chỉ ra tính hợp lý, khả dụng của phương thức truyền thống, tránh cái nhìn tiêu cực khi cho rằng làm nương rẫy là nguyên nhân phá hủy môi trường.

Bốn là, văn hóa quốc gia với phát triển của tộc người. Nghiên cứu theo một khung phân tích văn hóa quốc gia tác động đến phát triển các tộc người ở Việt Nam chưa nhiều. Song, nếu hiểu nội hàm văn hóa quốc gia là ngôn ngữ quốc gia, ý thức quốc gia - dân tộc và thiết chế văn hóa quốc gia lại không ít nghiên cứu liên quan. Nghiên cứu văn hóa quốc gia ảnh hưởng đến phát triển đời sống tộc người theo một khung phân tích, có thể thấy qua công trình của Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014; 2018) khi xem xét loại hình văn hóa này với phát triển kinh tế, ổn định xã hội, quốc phòng, an ninh ở ba vùng biên giới (Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia). Hướng đó còn được Vương Xuân Tình và cộng sự đề cập trong một nghiên cứu về quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc.

Ngoài các nghiên cứu về tác động tích cực, còn có những xem xét ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa tộc người với phát triển. Trần Minh Hằng - Bùi Xuân Đỉnh (2019) khi tìm hiểu về ảnh hưởng của văn hóa tộc người đến các chương trình, dự án quốc tế ở Tây Nguyên cho biết: phong tục, tập quán và sự hạn chế trình độ học vấn, năng lực sử dụng tiếng phổ thông ở

các tộc người Ê-đê, Mnông khiến họ gặp khó khăn khi tiếp nhận thông tin, áp dụng khoa học kỹ thuật và giám sát chương trình, dự án. Điều đó ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng của các chương trình, dự án quốc tế được triển khai tại địa phương. Mặt khác, có nghiên cứu còn nêu ảnh hưởng tiêu cực của phát triển với văn hóa tộc người. Phạm Thị Mùi (2019, tr. 22-30) khi xem xét sự phát triển du lịch của các tộc người ở tỉnh Hòa Bình đã chỉ ra vì lợi nhuận, có tình trạng làm hàng thủ công giả và biểu diễn văn hóa không đúng nguyên gốc. Như vậy, việc đảm bảo tính xác thực của văn hóa tộc người là cấp thiết, không chỉ với du lịch, mà còn cho bảo tồn văn hóa của họ.

Bên cạnh hướng nghiên cứu văn hóa là trụ cột thứ tư của phát triển bền vững ở tầm quốc gia, địa phương và tộc người, còn có nghiên cứu về sự phát triển bền vững của chính văn hóa. Chẳng hạn, trên cơ sở đề xuất khái niệm, khung phân tích và 5 chỉ báo, Vương Xuân Tình - Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên, 2012) đã tiến hành một nghiên cứu về phát triển bền vững văn hóa tộc người vùng Đông Bắc. Các tác giả cho rằng, chỉ trên cơ sở sự bền vững, văn hóa mới đảm bảo tốt vai trò là một trụ cột của phát triển.

Tóm lại, tổng quan trên mới điểm qua xu hướng chính và một số dẫn dụ trong rất nhiều nghiên cứu vai trò của văn hóa với phát triển ở Việt Nam. Điểm mạnh của các nghiên cứu là nhận thức vai trò quan trọng của văn hóa với phát triển như UNESCO đã chỉ ra. Song, việc nghiên cứu cũng bộc lộ một số hạn chế. Đó là, phần lớn các công trình thường thiên về mô tả hoạt động mang tính văn hóa gắn với sinh kế, quản lý xã hội, nguồn tài nguyên. Vai trò của văn hóa chủ yếu qua suy luận, bởi còn ít các nghiên cứu lượng hóa và thiếu sự nhìn nhận văn hóa thấm sâu vào quá trình phát triển. Việc trình bày, phân tích vai trò văn hóa trong toàn bộ quy trình của các chương trình, dự án phát triển kể từ xây dựng, triển khai, giám sát, đánh giá còn ít được đề cập. Mặt khác, việc nghiên cứu sự phát triển bền vững văn hóa do Ủy ban Bảo vệ và Phát triển đa dạng văn hóa của UNESCO đề xuất vẫn còn hạn chế.

Kết luận

Văn hóa là sản phẩm của con người, hình thành từ khi có xã hội loài người. Cùng với đa dạng tự nhiên, đa dạng văn hóa - hay sự phong phú giá trị của các nền văn hóa, đã làm nên bản sắc thế giới. Tuy nhiên, phải đến cuối thế kỷ XX, con người mới nhận rõ hơn vai trò to lớn của văn hóa với phát triển, và đặt văn hóa là một trong bốn trụ cột của phát triển bền vững. Quan điểm của UNESCO về giá trị, vai trò của văn hóa đã được các tổ chức quốc tế và quốc gia đón nhận. Theo đó, văn hóa là cơ sở để phát triển kinh tế, cố kết, ổn định xã hội, đảm bảo bền vững môi trường. Bởi vậy, văn hóa phải thấm sâu vào quá trình phát triển, không thể tách rời với phát triển. Nguyên tắc này cần được hiện thực hóa kể từ việc xây dựng, triển khai, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án phát triển của địa phương, của quốc gia và quốc tế.

Đồng thuận với quan điểm, chính sách của UNESCO cùng nhiều tổ chức quốc tế và quốc gia khác, trong khoảng gần ba thập kỷ qua, Việt Nam ngày càng chú trọng vai trò của văn hóa với phát triển. Điều đó thể hiện qua chính sách về văn hóa và chiến lược phát triển bền vững quốc gia; qua thực thi các chương trình, dự án trong nước và quốc tế. Nhận thức tầm quan trọng của văn hóa, đã có nhiều nghiên cứu về vai trò của văn hóa tộc người với phát triển ở các lĩnh vực sinh kế, quản lý xã hội, quản lý tài nguyên; vai trò của văn hóa quốc gia đến phát triển các tộc người. Một số nghiên cứu còn chỉ ra các yếu tố tiêu cực của văn hóa với phát triển, xem xét sự phát triển bền vững của chính trụ cột văn hóa. Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn còn hạn chế về nội dung, phương pháp; song những giá trị của đa dạng văn hóa ở Việt Nam rất to lớn, cần được tiếp tục khám phá và phát huy trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Baden, Su and Marjorie Mayo (1999), “Culture, Community Development and Representation”, *Community Development Journal*, Vol. 34, No. 3, 1999.
2. Trần Bình (2001), *Tập quán hoạt động sinh kế của một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
3. *Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, <http://va21.gov.vn/van-ban/chienluoc.html>
4. Duxbury, Nancy and et all (2016), *Why Must Culture be at the Heart of Sustainable Urban Development?* Agenda 21 for Culture, UCLG.
5. Bùi Minh Đạo (2000), *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Trần Hồng Hạnh (2018), *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Trần Minh Hằng - Bùi Xuân Đính (2019), “Ảnh hưởng của văn hóa tộc người đến việc thực hiện các chương trình và dự án quốc tế: Nghiên cứu trường hợp xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 64-76.
9. Lưu Hùng (1994), *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Lưu Hùng (2014), *Góp phần tìm hiểu Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. IFACCA, Culture 21, IFCCD, Culture Action Europe (2015), *Culture as a Goal: In the Post - 2015 Development Agenda*, Declaration.
12. Katriina, Soini and Joost Dessein (2016), “Culture - Sustainability Relation: Towards a Conceptual Framework”, *Sustainability*, Vol. 8, No. 167.

13. Ngô Văn Lê - Huỳnh Ngọc Thu (Đồng chủ biên, 2017), *Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số tại chỗ ở Đắk Nông*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
14. Nguyễn Văn Minh (2017), *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Minh (Chủ biên, 2018), *Một số lý thuyết về tộc người và tiếp cận ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Phạm Thị Mùi (2019), “Du lịch ở tỉnh Hòa Bình và vấn đề tính xác thực văn hóa tộc người”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 22-30.
17. Phạm Xuân Nam (2007), *Vai trò của văn hoá - giáo dục trong việc tạo lập một “tâm quyền” cho sự phát triển bền vững của đất nước trên cơ sở kinh tế tri thức*, trên trang <http://www.issi.gov.vn> , truy cập ngày 12/3/2008.
18. OECD (2009), *The Impact of Culture on Tourism*, in: www.oecd.org/publishing/corrigenda, truy cập ngày 26/4/2019.
19. OECD (2018), *Culture and Local Development*, in: <http://www.oecd.org/cfe/>, truy cập ngày 26/4/2019.
20. SIDA (2006), *Policy for Culture and Media in Development Cooperation*, TRYCKT AV EDITA.
21. Spencer-Oatey, H. (2012), “What is Culture? A Compilation of Quotations”, *GlobalPAD Core Concepts*, Available at GlobalPAD Open House, in <http://www.warwick.ac.uk/glob alpadintercultural>, truy cập ngày 26/4/2019.
22. Nguyễn Thị Tám (2019), “Khai thác, bảo tồn giá trị văn hóa độc đáo của các loại hình văn học nghệ thuật dân gian tiêu biểu của các tộc người thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 55-72.
23. Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên, 2016), *Tri thức dân gian của dân tộc Dao trong sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Nguyễn Phương Thảo (2018), *Người Việt ở miền núi từ góc nhìn thích ứng văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Nguyễn Văn Thắng (2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Ngô Đức Thịnh - Phan Đăng Nhật (Chủ biên, 2000), *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam - Kỹ yếu Hội thảo khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Throsby, David (2001), *Economics and Culture*, Cambridge University Press.

28. Vương Xuân Tình (2000), “Luật tục của các dân tộc Tày, Nùng với quản lý xã hội và nguồn tài nguyên”, trong: Ngô Đức Thịnh - Phan Đăng Nhật chủ biên (2000), *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam - Kỳ yếu Hội thảo khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 370-410.

29. Vương Xuân Tình - Trần Hồng Hạnh (2009), “Bài học và khuyến nghị về an ninh lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1 và 2, tr. 123-129.

30. Vương Xuân Tình - Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên, 2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

31. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

32. Vương Xuân Tình (2018a), “Du lịch ẩm thực: Kinh nghiệm thế giới và thực trạng ở Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, Số 4, tr. 45-51.

33. Vương Xuân Tình (2018b), “Cách tiếp cận văn hóa với quản lý khu dự trữ sinh quyển”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 11, tr. 80-89.

34. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2018), *Quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

35. UNESCO, *Culture and Development*, in: <http://www.unesco.org/new/en/culture/themes/culture-and-development/>, truy cập ngày 25/4/2019.

36. Trần Đức Viên - A. Terry Rambo - Nguyễn Thanh Lâm (2008), *Canh tác nương rẫy: Tổng hợp một góc nhìn*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

37. Viện Nghiên cứu văn hóa (2011), *Tổng tập nghệ và làng nghề truyền thống Việt Nam*, Tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

38. Worl Bank (1999), *Culture and Sustainale Development: A Framework for Action*, Washington DC.

39. Trần Thị Hồng Yến (2018), *Biến đổi về văn hóa, xã hội của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.